



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Võng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



VILAS 533



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0006555.26
MSM: VT.26.2561.CT01

Tên mẫu : Chất thải rắn
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT TIỀN HÙNG-B1
Địa điểm lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân B1 – Tiên Hùng, Phường Phú Mỹ, TP. HCM
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 08/06/2026
Ngày trả kết quả : 30/06/2026



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2025/BNNMT
				CT01	Ngưỡng nguy hại
1	pH	-	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9040D	8,01	≤ 2 hoặc ≥ 12,5

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2025/BNNMT
				CT01	Ngưỡng CTNH (tính theo hàm lượng tuyệt đối (ppm))
1	Tổng Xyanua	ppm	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014	< 5,00	590

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2025/BNNMT
				CT01	Ngưỡng CTNH (tính theo nồng độ ngâm chiết (mg/L))
1	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	< 0,0020	5
2	Bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	0,19	100
3	Bạc (Ag)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	< 0,030	-
4	Cadmi (Cd)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	0,01600	1
5	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	< 0,050	5
6	Coban (Co)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	0,084	80
7	Kẽm (Zn)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	105,6	-
8	Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	3,64	70



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2025/BNNMT
				CT01	Ngưỡng CTNH (tính theo nồng độ ngâm chiết (mg/L))
9	Selen (Se)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	< 0,0030	1
10	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7470A	< 0,00050	0,2
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7196A	< 0,010	-
12	Phenol	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA method 8270D	< 0,020	1.000
13	Benzen	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D	< 0,005	0,5
14	Tổng dầu	mg/L	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520B&F:2023	7,6	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả;
- CT01: Bùn phát sinh từ nhà máy xử lý, tọa độ (1177304; 644240);
- QCVN 07:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;
- (-): Không quy định/Không phân tích;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0006538.26
MSM: VT.26.2561.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT TIỀN HÙNG-BI
Địa điểm lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân B1 – Tiên Hùng, Phường Phú Mỹ, TP. HCM
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 08/06/2026
Ngày trả kết quả : 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT01	Cột A, Kq=0,9 và Kf=1
1	Asen (As) ^(*)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	< 0,00050	0,045
2	Thủy ngân (Hg) ^(*)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	< 0,00030	0,0045
3	Chì (Pb) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	0,09
4	Cadimi (Cd) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020	0,045

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung (1177317;644197);
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- (*): Thông số được chứng nhận Vilas;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu